

**DANH MỤC MẪU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN****LIST OF ACCREDITED REFERENCE MATERIALS**

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: **/QĐ-VPCNCLQG**
ngày tháng 01 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tổ chức sản xuất mẫu chuẩn:	Phòng đo lường Hóa lý – Mẫu chuẩn
Reference material producer:	Laboratory of Physico-Chemical Parameters & Reference Materials
Cơ quan chủ quản:	Viện Đo lường Việt Nam
Organization:	Vietnam Metrology Institute
Người quản lý:	Ngô Thị Ngọc Hà
Manager:	Ngo Thi Ngoc Ha
Số hiệu/ Code: VIRAS 005	
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày /01/2026 đến ngày /01/2031	
Địa chỉ/ Address: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội No. 8, Hoang Quoc Viet road, Nghia Do ward, Ha Noi	
Địa điểm/Location: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội No. 8, Hoang Quoc Viet road, Nghia Do ward, Ha Noi Hoa Lac Hi-tech Park, Hoa Lac commune, Ha Noi	
Điện thoại/ Tel:	024 3836 1133
E-mail:	hlmc@vmi.gov.vn
Website:	http://vmi.gov.vn

DANH MỤC MẪU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED REFERENCE MATERIAL***VIRAS 005**1. Lĩnh vực/ *Field*: Hóa/ *Chemical*2. Đối tượng/ *Category* :

TT	Tên mẫu chuẩn <i>Name of certified reference material</i>	Giá trị, định danh của mẫu chuẩn <i>Range of property values/ Identity</i>	Độ không đảm bảo đo mở rộng <i>Expanded uncertainty of property values</i>	Phương pháp xác định giá trị mẫu chuẩn <i>Method to determine CRM value</i>
1	Dung dịch chuẩn Đồng (Cu) <i>Copper standard solution</i>	1000 mg/kg	0,9 %	Phương pháp chuẩn độ <i>Titration method</i>
2	Dung dịch chuẩn Chì (Pb) <i>Lead standard solution</i>	1000 mg/kg	0,7 %	Phương pháp chuẩn độ <i>Titration method</i>
3	Dung dịch chuẩn Cadmi (Cd) <i>Cadmium standard solution</i>	1000 mg/kg	0,8 %	Phương pháp chuẩn độ <i>Titration method</i>
4	Dung dịch chuẩn Kẽm (Zn) <i>Zinc standard solution</i>	1000 mg/kg	0,6 %	Phương pháp chuẩn độ <i>Titration method</i>
5	Dung dịch chuẩn Niken (Ni) <i>Nickel standard solution</i>	1000 mg/kg	0,9 %	Phương pháp chuẩn độ <i>Titration method</i>

Ghi chú/Note:

Độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa.

The expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.

Trường hợp Viện Đo lường Việt Nam cung cấp dịch vụ sản xuất mẫu chuẩn thì Viện Đo lường Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Vietnam Metrology Institute that provides RMP services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*